TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN LONG HỒ
TỈNH VĨNH LONG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập–Tự do–Hạnh phúc

Bản án số: 16/2018/ HNGĐ-ST
Ngày: 15-03-2018
V/v *Không công nhận quan hệ vợ chồng*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG HỒ, TỈNH VĨNH LONG

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:
-*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa*: Ông Võ Công Bằng
-*Các hội thẩm nhân dân*: 1. Ông Trần Văn Hưng
2. Ông Nguyễn Văn Trước

-Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Tuyết Hoa –Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Hồ, tỉnh Vĩnh Long

-Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Hồ: Không tham gia phiên tòa.

Trong ngày 15 tháng 03 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Hồ xét xử công khai sơ thẩm vụ án Hôn nhân & Gia đình thụ lý số: 43/ 2018/ TLST- HNGĐ ngày 29 tháng 01 năm 2018, về việc " *Không công nhận quan hệ vợ chồng*", theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 35/2018/QĐXXST-HNGĐ ngày 26 tháng 02 năm 2018, giữa các đương sự:

1.Nguyên đơn: Trần Thanh V, sinh năm: 1972
Địa chỉ: Số 207A/18, ấp H, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

2.Bị đơn: Lê Thị M, sinh năm: 1966
Địa chỉ: Số 207A/18, ấp H, xã Đ, huyện H, tỉnh L.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

-Theo đơn khởi kiện ngày 14/01/2018 và trong quá trình tham gia tố tụng nguyên đơn anh Trần Thanh V trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Vào năm 1992 qua quen biết anh và chị Lê Thị M tự nguyện tiến đến hôn nhân, có tổ chức lễ cưới theo phong tục tập quán, nhưng không có đăng ký kết hôn. Sau khi cưới anh và chị chung sống tại xã Đ, huyện H, tỉnh L và có 02 con chung. Đến năm 2017 anh chị phát sinh mâu thuẩn do tính tình không hòa hợp, anh đi làm ăn ở thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010, nên anh chị thường hay cải vã, chị M hay ghen nói anh có người khác ở bên ngoài, nên từ đó cuộc sống có nhiều mâu thuẩn. Từ tháng 3/2017 anh về nhà sinh sống nhưng vợ chồng thường xuyên cải vả, anh bỏ về nhà cha mẹ ruột sống. Tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Anh yêu cầu ly hôn với chị M.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần V, sinh ngày 10/7/1994 và Trần Minh Q, sinh ngày 12/12/1999. Hai con đã trưởng thành anh không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-Bị đơn chị Lê Thị M trình bày: Về quan hệ hôn nhân anh V trình bày là đúng. Nhưng về mâu thuẫn vợ chồng, là vào năm 2010 anh V đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh và có người khác bên ngoài, chị có ghen với anh V nhưng chị đã tha thứ cho anh V, chị yêu cầu anh V về nhà sinh sống để vợ chồng đoàn tụ lo cho các con. Chị vẫn còn thương anh V nên không đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 con chung tên Trần V, sinh ngày 10/7/1994 và Trần Minh Q, sinh ngày 12/12/1999. Hai con đã trưởng thành chị không yêu cầu giải quyết.

Về tài sản chung: Tự thỏa thuận, không yêu cầu giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

-***Tại phiên Tòa:*** Anh V và chị M vẫn bảo lưu ý kiến. Anh V yêu cầu ly hôn với chị M, chị M không đồng ý.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN :

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên Tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

[1.1]. Anh V và chị M tiến đến hôn nhân có tổ chức lễ cưới vào năm 1992 nhưng không có đăng ký kết hôn là vi phạm vào Điều 9 Luật Hôn nhân & Gia đình năm 2014. Do đó hôn nhân của anh V và chị M là hôn nhân không hợp pháp, không được pháp luật bảo vệ.

[1.2]. Anh V và chị M chung sống với nhau như vợ chồng từ nhiều năm nay và đã có con chung. Trong thời gian chung sống giữa anh chị đều thừa nhận có nhiều mâu thuẫn: Anh V cho rằng chị M thường hay ghen tuông nên vợ chồng thường hay cải vả, gặp anh ở đâu chị M cũng chửi, chị M không tôn trọng gia đình của anh, có những lời nói xúc phạm đến gia đình anh. Mâu thuẫn ngày càng trầm trọng, anh về nhà mẹ ruột ở không còn chung sống với chị M từ nhiều tháng nay. Chị M cho rằng anh V đi làm ở thành phố Hồ Chí Minh từ năm 2010, nhưng không có đem tiền về lo cho gia đình lại còn quen người khác bên ngoài, vì vậy chị mới ghen và cải vả với anh V. Anh V cũng thừa nhận đi làm anh cũng có quen người khác bên ngoài vì anh không còn thương chị M nữa. Nếu chị M ép anh về ở anh cũng không đồng ý về chung sống với chị M. Cho thấy mâu thuẫn giữa anh V và chị M đã trầm trọng không thể khắc phục. Cuộc sống giữa anh chị không có hạnh phúc. Tại phiên tòa anh V yêu cầu ly hôn, nhưng chị M không đồng ý. Xét thấy mặc dù chị M trình bày vẫn còn thương anh V nhưng giữa anh V và chị M tiến đến hôn nhân mà không đăng ký kết hôn theo quy định nên pháp luật không công nhận anh

V và chị M là vợ chồng. Là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 14 và khoản 2 Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2]. Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết.

[3]. Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[4]. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[5]. Về án phí: Buộc anh V phải nộp toàn bộ tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 144, Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

Căn cứ Điều 9, Điều 14, Điều 53, Điều 56 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014.

Căn cứ Điều 3, Điều 27 của Nghị quyết số 326/UBNTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Không công nhận anh Trần Thanh V và chị Lê Thị M là vợ chồng.

2. Về con chung: Đã trưởng thành, các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

3.Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu giải quyết, nên Hội đồng xét xử không xem xét.

5.Về án phí: Buộc anh Trần Thanh V nộp 300.000 đồng (Ba trăm ngàn đồng) tiền án phí Hôn nhân & Gia đình sơ thẩm. Anh V đã nộp 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí theo lai thu số 0001257 ngày 29/01/2018 tại chi cục Thi hành án dân sự huyện Long Hồ nên được khấu trừ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Án xử có mặt nguyên đơn, bị đơn báo cho đương sự biết có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án. Người vắng mặt được quyền kháng

cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày sau ngày nhận được bản án, hoặc bản án được niêm yết công khai tại nơi cư trú./.

Nơi nhận:
-TAND Tỉnh Vĩnh Long;
-VKSND huyện Long Hồ;
-CC THADS huyện Long Hồ;
-Ủy ban nhân dân xã Đ
-Các đương sự trong vụ án;
-Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Võ Công Bằng